

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 856/QĐ-UBND ngày 09/4/2026 của Ủy ban nhân dân phường Lưu Kiếm)

Đơn vị: đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán						Quyết toán									So sánh (%)		
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi chương trình MTQG			Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay (2)	Chi nộp trả ngân sách cấp trên	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên
					Tổng số	Chi đầu tư	Chi thường xuyên						Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên				
A	B	1	2	3			4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
	TỔNG SỐ	312.384.657.837	0	312.354.657.837	30.000.000	0	30.000.000	310.923.294.272	0	296.907.146.285	0	565.500.000	10.000.000	0	10.000.000	13.440.647.987	100%	95%	
I	CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC	307.692.523.077	0	307.662.523.077	30.000.000	0	30.000.000	300.032.178.624	0	292.215.011.525	0	0	10.000.000	0	10.000.000	7.807.167.099	98%	95%	
1	Trường Trung học cơ sở Lưu Kiếm	15.611.997.388	0	15.611.997.388				15.611.997.388	0	15.611.997.388			0				100%	100%	
2	Trường Tiểu học Kênh Giang	12.819.359.467	0	12.819.359.467				12.782.359.467	0	12.782.359.467			0				100%	100%	
3	Trường Trung học cơ sở Liên Khê	10.938.751.368	0	10.938.751.368				10.866.891.368	0	10.866.891.368			0				99%	99%	
4	Trường Tiểu học Liên Khê	12.415.123.926	0	12.415.123.926				12.415.123.926	0	12.415.123.926			0				100%	100%	
5	Trường Tiểu học Lưu Kiếm	17.290.128.280	0	17.290.128.280				17.290.128.280	0	17.290.128.280			0				100%	100%	
6	Trường Tiểu học Đông Sơn	8.957.955.436	0	8.957.955.436				8.957.955.436	0	8.957.955.436			0				100%	100%	
7	Trường mầm non Đông Sơn	9.009.724.569	0	9.009.724.569				9.009.724.569	0	9.009.724.569			0				100%	100%	
8	Trường mầm non Kênh Giang	11.368.254.520	0	11.368.254.520				11.368.254.520	0	11.368.254.520			0				100%	100%	
9	Trường Mầm non Lưu Kỳ	5.491.521.580	0	5.491.521.580				5.491.521.580	0	5.491.521.580			0				100%	100%	
10	Trường mầm non Liên Khê	13.420.011.840	0	13.420.011.840				13.420.011.840	0	13.420.011.840			0				100%	100%	
11	Trường mầm non Lưu Kiếm	13.830.948.240	0	13.830.948.240				13.830.948.240	0	13.830.948.240			0				100%	100%	
12	Trường Trung học cơ sở Trần Hưng Đạo	19.328.299.644	0	19.328.299.644				19.280.877.484	0	19.280.877.484			0				100%	100%	
13	Trung tâm Phục vụ Hành chính công phường Lưu Kiếm	1.232.169.000	0	1.232.169.000				1.217.812.000	0	1.217.812.000			0				99%	99%	
14	Văn phòng HĐND và UBND phường Lưu Kiếm	66.896.365.219	0	66.896.365.219				66.222.034.220	0	58.414.867.121			0		7.807.167.099		99%	87%	
15	Văn phòng Đảng ủy phường Lưu Kiếm	7.520.786.000	0	7.520.786.000				7.731.286.000	0	7.731.286.000			0				103%	103%	
16	Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam phường Lưu Kiếm	1.321.000.000	0	1.321.000.000				1.321.000.000	0	1.321.000.000			0				100%	100%	
17	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Lưu Kiếm	13.787.640.500	0	13.787.640.500				13.379.109.196	0	13.379.109.196			0				97%	97%	
18	Phòng Văn hóa - Xã hội phường Lưu Kiếm	66.347.186.100	0	66.317.186.100	30.000.000	30.000.000		59.730.020.572	0	59.720.020.572			10.000.000	10.000.000			90%	90%	
19	Trung tâm dịch vụ sự nghiệp công phường Lưu Kiếm	105.300.000	0	105.300.000				105.122.538	0	105.122.538			0				100%	100%	
II	CHI TRẢ NỢ LÃI CÁC KHOẢN DO CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG VAY								0										
III	CHI BỔ SUNG QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH (2)								0										
IV	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	4.692.134.760	0	4.692.134.760	0	0	0	4.692.134.760	0	4.692.134.760	0	0	0	0	0	0	100%	100%	
1	Văn phòng Đảng ủy phường Lưu Kiếm	555.960.000	0	555.960.000				555.960.000	0	555.960.000			0				100%	100%	
2	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Lưu Kiếm	3.088.325.000	0	3.088.325.000				3.088.325.000	0	3.088.325.000			0				100%	100%	
3	Phòng Văn hóa - Xã hội phường Lưu Kiếm	150.000.000	0	150.000.000				150.000.000	0	150.000.000			0				100%	100%	

STT	Tên đơn vị	Dự toán						Quyết toán								So sánh (%)			
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi chương trình MTQG			Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay (2)	Chi nộp trả ngân sách cấp trên	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên
					Tổng số	Chi đầu tư	Chi thường xuyên						Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên				
A	B	1	2	3				4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
4	Văn phòng HĐND và UBND phường Lưu Kiếm	897.849.760	0	897.849.760				897.849.760	0	897.849.760			0				100%		100%
V	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG							0											
VI	CHI BỔ SUNG CỘ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI (3)							0											
VII	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU							5.633.480.888								5.633.480.888			
VIII	CHI NỘP TRẢ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN							565.500.000				565.500.000							